

Số: 387 /QĐ - UBND

Văn An, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán Thu- chi ngân sách
năm 2022 của UBND phường Văn An

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân phường Văn An “Về việc phê chuẩn phân bổ dự toán thu – chi ngân sách năm 2022”;

Theo đề nghị của Kế toán, ngân sách phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Thu- Chi ngân sách năm 2022 của UBND phường Văn An. (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức văn phòng, kế toán ngân sách và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND TP Chí Linh;
- Phòng TCKH TP Chí Linh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND;
- MTTQ, các đoàn thể;
- Lưu : VP HĐND-UBND.

**TM. UBND PHƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Phú



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
	TỔNG SỐ THU			TỔNG SỐ CHI	
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	10.385.124	I	Chi đầu tư phát triển	4.593.200
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.619.750	II	Chi thường xuyên	5.645.924
III	Thu bổ sung	5.640.374	III	Dự phòng	146.000
	- Bổ sung cân đối	3.442.314			
	- Bổ sung có mục tiêu	2.198.060			
IV	Thu chuyển nguồn				



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Biểu số 104/CK TC-NSNN

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	
		THU NSNN	THU NSX
		1	2
A	B		
	TỔNG THU	10.385.124	10.385.124
I	Các khoản thu 100%	125.000	125.000
1	Phí, lệ phí	10.000	10.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	70.000	70.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	45.000	45.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	26.550	26.550
I	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế GTGT	17.850	17.850
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Thuế thu nhập cá nhân	8.700	8.700
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định		
III	Thu tiền sử dụng đất xã được hưởng	4.593.200	4.593.200
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.494.374	5.494.374
	- Thu bổ sung cân đối	3.296.314	3.296.314
	- Thu bổ sung có mục tiêu	2.198.060	2.198.060
VII	Thu dự phòng	146.000	146.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	10.385.124	4.593.200	5.791.924
	Trong đó	0		
1	Chi giáo dục	3.003.391	2.970.391	33.000
2	Chi quân sự	485.424		485.424
3	Chi công an	179.945		179.945
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
5	Chi y tế	33.000		33.000
6	Chi văn hóa, thông tin	672.809	622.809	50.000
7	Chi phát thanh, truyền thanh	79.502		79.502
8	Chi thể dục thể thao	58.000		58.000
9	Chi bảo vệ môi trường	32.000		32.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.125.000	1.000.000	125.000
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.175.334		4.175.334
12	Chi cho công tác xã hội	394.719		394.719
13	Chi khác	0		
14	Dự phòng ngân sách	146.000		146.000



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN		STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN	
	TỔNG SỐ THU				TỔNG SỐ CHI		
I	Các khoản thu xã hưởng 100%		10.385.124	I	Chi đầu tư phát triển		4.593.200
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		125.000	II	Chi thường xuyên		5.645.924
III	Thu bổ sung		4.619.750	III	Dự phòng		146.000
	- Bổ sung cân đối		5.640.374				
	- Bổ sung cân đối		3.442.314				
	- Bổ sung có mục tiêu		2.198.060				
IV	Thu chuyển nguồn						



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	
		THU NSNN	THU NSX
		1	2
A	B		
	TỔNG THU	7.902.500	7.902.500
I	Các khoản thu 100%	110.000	110.000
1	Phí, lệ phí	10.000	10.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	60.000	60.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	40.000	40.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	51.000	51.000
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế GTGT	33.900	33.900
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Thuế thu nhập cá nhân	17.100	17.100
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.741.500	7.741.500
	- Thu bổ sung cân đối	7.416.900	7.416.900
	- Thu bổ sung có mục tiêu	324.600	324.600

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	10.385.124	4.593.200	5.791.924
	Trong đó	0		
1	Chi giáo dục	3.003.391	2.970.391	33.000
2	Chi quân sự	485.424		485.424
3	Chi công an	179.945		179.945
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
5	Chi y tế	33.000		33.000
6	Chi văn hóa, thông tin	672.809	622.809	50.000
7	Chi phát thanh, truyền thanh	79.502		79.502
8	Chi thể dục thể thao	58.000		58.000
9	Chi bảo vệ môi trường	32.000		32.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.125.000	1.000.000	125.000
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.175.334		4.175.334
12	Chi cho công tác xã hội	394.719		394.719
13	Chi khác	0		
14	Dự phòng ngân sách	146.000		146.000

